

Bản án số:03/2018/KDTM-ST

Ngày: 19-9-2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vy;

2. Ông Hồ Đình Ghi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế xét xử công khai vụ án thụ lý số: 37/2017/TLST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-KDTM ngày 20/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 745/2018/QĐST-KDTM ngày 05/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 77 đường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Hà Quang H và bà Nguyễn Thị Thu U; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP S (theo văn bản ủy quyền số 233/UQ-TGD ngày 22/8/2017.

Địa chỉ: 205-207 đường L, phường N, quận H, Đà Nẵng. Bà U có mặt, ông H vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH TH

Địa chỉ: 23 đường C, phường Th, thành phố Huế

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang Tr, sinh năm 1965; Chức vụ: Giám đốc

Người kế thừa quyền và Ngh vụ tổ tụng của bị đơn:

- Ông Lê Quang Tr, giá trị phần vốn góp: 5.950.000.000đ, chiếm tỷ lệ 70% vốn góp. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị L, giá trị phần vốn góp: 2.550.000.000đ, chiếm tỷ lệ 30% vốn góp. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Ph, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: Nhà H26, đường số 8, khu C, phường A, thành phố Huế.

3. *Người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan:* Ông Lê Quang Ngh và bà Trịnh Thị Nh

Địa chỉ: 03 Đường C, phường X, thành phố Huế. Bà Nh có mặt, ông Ngh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/7/2015, Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh Huế (S Huế) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 106/2015/HĐHM-PN/S.12061 với Công ty TNHH TH. Nội dung như sau: Số tiền vay là 5.000.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và ngày 30/6/2016 các bên ký khế ước nhận nợ số 03/2015/KUNN-S 120601 với nội dung số tiền nhận nợ: 1.500.000.000đ, lãi suất: 9,8%/năm, thời hạn vay: 06 tháng, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ngày 03/7/2015, tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế, các bên gồm S Huế, ông Lê Quang Ngh, sinh năm 1962, Công ty TNHH TH đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 106/2015/HĐTC-BTB/S 120601 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại 03 Đường C, phường X, thành phố Huế để đảm bảo Ngh vụ của bên thứ ba. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Huế ngày 03/7/2015.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, S Huế đã giải ngân số tiền 1.500.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH TH đã vi phạm Ngh vụ trả nợ theo thỏa thuận nên ngày 19/9/2016, S Huế đã thông báo nợ quá hạn và ngày 21/6/2017 đã có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án. Tính đến ngày 19/9/2018, Công ty TNHH TH còn nợ số tiền: 1.979.346.391đ, trong đó nợ gốc: 1.500.000.000đ, nợ lãi: 479.346.391đ và khoản lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp phía bị đơn không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 106/2015/HĐTC-BTB/S 120601 ngày 03/7/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Huế ngày 03/7/2015 để bảo đảm quyền lợi của người cho vay.

Chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng phía nguyên đơn xin tự nguyên chịu toàn bộ.

Về phía bị đơn: Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng bị đơn không đến làm việc. Ngày 25/12/2017, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Hòa, Huế, kết quả xác minh: “Công ty TNHH TH không còn đóng trụ sở và hoạt động tại địa chỉ 23 Đặng Trần Côn, phường Thuận Hòa, Huế”. Ngày 02/01/2018, Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường An Đông, Huế để xác minh nơi cư trú của ông Lê Quang Tr, kết quả xác minh: “Ông Lê Quang Tr trước đây sống và đăng ký thường trú tại địa chỉ nhà H26, đường số 8, khu C, phường A, thành phố Huế. Hiện nay ông Tr đi đâu, làm gì thì địa phương không rõ”.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại Ủy ban nhân dân phường nơi có trụ sở của bị đơn, nơi thường trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, tại Tòa án và đã làm các thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú.

Ngày 10/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Huế có Công văn số 658/CV-TA gửi Phòng đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế xác minh tình trạng hoạt động của Công ty TNHH TH, kết quả xác minh: “Công ty TNHH TH đã giải thể theo Thông báo số 7830/18 ngày 09/7/2018, thông tin các thành viên góp vốn: ông Lê Quang Tr, 5.950.000.000đ, tỷ lệ vốn góp 70%, bà Phạm Thị L 2.550.000.000đ, tỷ lệ vốn góp 30%.

Ngày 16/7/2018, Tòa án đã ra thông báo số 665/TB-TA về việc chuyển thời gian xét xử với lý do **cần bổ sung người thừa kế quyền và Ngh vụ của bị đơn vào tham gia tố tụng.**

Ngày 27/7/2018, Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, kết quả xác minh: “Ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Th, xã Ph, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện nay ông Tr, bà L không còn sinh sống tại địa chỉ trên và chuyển đến sinh sống ở đâu thì địa phương không rõ”.

Ngày 10/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã có Công văn số 607/CV-TA đề nghị thông báo công khai cho ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L thời gian mở phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 05/9/2018, ông Lê Quang Tr, bà Phạm Thị L, ông Lê Quang Ngh vắng mặt, bà Trịnh Thị Nh là người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 19/9/2018.

Người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan:

- Ông Lê Quang Ngh: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo Ngh vụ của bên thứ ba số 106/2015/HĐTC-BTB/S 120601 tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại 03 Đường C, phường X, thành phố Huế là do ông ký và ông hiểu được quyền và Ngh vụ của mình trong việc thế chấp. Khi phát sinh khoản nợ thì ông có đề nghị ông Lê Quang Tr-Giám đốc Công ty TNHH TH tiến hành làm việc với ngân hàng và thực hiện Ngh vụ trả nợ cho ngân hàng.

- Bà Trịnh Thị Nh: Bà và ông Ngh kết hôn từ năm 2000, hiện nay vợ chồng bà có 01 con 8 tuổi đang sinh sống tại 03 Đường C, phường X, thành phố Huế. Tài sản ông Ngh dùng thế chấp để bảo đảm Ngh vụ cho Công ty TNHH TH, trong đó đất là của ông Ngh có trước khi kết hôn, còn nhà là tài sản chung của vợ chồng bà. Do công việc làm ăn của ông Ngh nên bà Nh đã làm văn bản cam kết tại phòng công chứng Nam Thanh xác định đây là tài sản riêng của ông Ngh. Đề nghị Ngân hàng làm việc với Công ty TNHH TH để giải quyết nợ, nếu Công ty TNHH TH không trả được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kế thừa quyền và Ngh vụ tố tụng của bị đơn, ông Lê Quang Ngh vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Phía nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Phía bị đơn, ông Lê Quang Ngh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt.

[2] Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH TH phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.979.346.391đ, trong đó nợ gốc: 1.500.000.000đ, nợ lãi: 479.346.391đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/9/2018 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ. Do Công ty TNHH TH đã giải thể, chấm dứt hoạt động nên người kế thừa quyền và Ngh vụ tố tụng của bị đơn là ông Lê Quang Tr, bà Phạm Thị L phải chịu trách nhiệm trả nợ theo tỷ lệ vốn góp **trong phạm vi tài sản đã góp vốn** vào Công ty của mỗi người theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Trường hợp phía bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại 03 Đường C, phường X, thành phố Huế do Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp ngày 07/02/2013 cho ông Lê Quang Ngh theo hợp đồng thế chấp tài sản số 106/2015/HĐTC-BTB/S 120601 ngày 03/7/2015, đăng ký giao

dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Huế ngày 03/7/2015 để thu hồi nợ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 05/9/2018, người kế thừa quyền và Ngh vụ tố tụng của bị đơn-Công ty TNHH TH là ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L, người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan-ông Lê Quang Ngh vắng mặt lần thứ nhất, bà Trịnh Thị Nh có đơn xin hoãn phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào lúc 08h00 ngày 19/9/2018, đã thông báo hợp lệ nhưng phía người kế thừa quyền và Ngh vụ tố tụng của bị đơn là ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L; người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan ông Lê Quang Ngh vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do Công ty TNHH TH vi phạm Ngh vụ theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH TH phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/9/2018 là 1.979.346.391đ, trong đó nợ gốc: 1.500.000.000đ, nợ lãi: 479.346.391đ.

Xét hợp đồng tín dụng số 106/2015/HĐHM-PN/S.12061 và khế ước nhận nợ số 03/2015/KUNN-S 120601 được ký kết giữa S Huế với Công ty TNHH TH là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Công ty TNHH TH không trả nợ cho ngân hàng như thỏa thuận theo hợp đồng là vi phạm Ngh vụ thực hiện hợp đồng.

Về số tiền lãi: Tại hợp đồng tín dụng quy định lãi suất theo khế ước nhận nợ số 03/2015/KUNN-S 120601 các bên thỏa thuận mức lãi suất là 9,8%/năm và mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn nên việc Ngân hàng TMCP S lấy mức lãi suất 9,8%/năm để tính số tiền lãi trong hạn và mức lãi suất 14,7%/năm để tính tiền lãi quá hạn là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện buộc Công ty TNHH TH phải trả số tiền còn nợ 1.979.346.391đ, trong đó nợ gốc: 1.500.000.000đ, nợ lãi: 479.346.391đ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về Ngh vụ trả nợ: Theo Thông báo số 7830/18 ngày 09/7/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế thì hiện nay Công ty TNHH TH đã giải thể, chấm dứt tồn tại. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201, khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì các thành viên góp vốn của Công ty TNHH TH là ông Lê Quang Tr, giá trị phần vốn góp 5.950.000.000đ ,tỷ lệ vốn góp 70%, bà Phạm Thị L, giá trị phần vốn góp

2.550.000.000đ, tỷ lệ vốn góp 30% phải có Ngh vụ liên đới thanh toán các khoản nợ của Công ty theo tỷ lệ đã góp vốn vào Công ty trong phạm vi tài sản đã góp vốn. Theo đó ông Lê Quang Tr phải trả $1.979.346.391đ \times 70\% = 1.385.542.474đ$, bà Phạm Thị L phải trả $1.979.346.391đ \times 30\% = 593.803.917đ$

Về tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại 03 Đường C, phường X, thành phố Huế: Ngày 07/02/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Huế đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BL 768965 cho ông Lê Quang Ngh. Quá trình sử dụng, bà Trịnh Thị Nh cũng đã có văn bản cam kết tại Văn phòng công chứng Nam Thanh xác nhận tài sản thế chấp là tài sản riêng của ông Ngh nên theo quy định tại Điều 43 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì đây tài sản riêng của ông Ngh. Vì vậy Hợp đồng thế chấp tài sản số 106/2015/HĐTC-BTB/S 120601 ngày 03/7/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Huế ngày 03/7/2015 đúng theo quy định của pháp luật. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và phía nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L không thanh toán hết các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 20/9/2018, ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo tỷ lệ vốn góp vào Công ty.

[3] Về án phí:

- Ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L phải chịu theo tỷ lệ vốn góp vào Công ty **trong phạm vi vốn góp**.

+ Ông Lê Quang Tr phải chịu: $1.385.542.474đ = \{36.000.000đ + (585.542.474đ \times 3\%)\} = 53.566.000đ$ (làm tròn).

+ Bà Phạm Thị L phải chịu: $593.803.917đ = \{20.000.000đ + (193.803.917đ \times 4\%)\} = 27.752.000đ$ (làm tròn).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 30.859.500đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/003248 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

[4] Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hết 5.565.000đ, nguyên đơn chịu toàn bộ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 299, 317, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 201, khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 43 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.979.346.391đ trong phạm vi vốn góp. Trong đó nợ gốc: 1.500.000.000đ, nợ lãi: 479.346.391đ theo Hợp đồng tín dụng số 106/2015/HĐHM-PN/S.12061, khế ước nhận nợ số 03/2015/KUNN-S 120601 đã được ký kết giữa S Huế và Công ty TNHH TH. Phần của ông Lê Quang Tr: 1.385.542.474đ, phần của bà Phạm Thị L 593.803.917đ.

Kể từ ngày 20/9/2018, ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L còn phải thanh toán số tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trong phạm vi vốn góp của ông Tr, bà L vào Công ty.

Trường hợp ông Tr, bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại 03 Đường C, phường X, thành phố Huế do Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp ngày 07/02/2013 cho ông Lê Quang Ngh theo hợp đồng thế chấp tài sản số 106/2015/HĐTC-BTB/S 120601 ngày 03/7/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Huế ngày 03/7/2015 để thu hồi nợ.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L phải chịu theo tỷ lệ vốn góp vào Công ty **trong phạm vi vốn góp**. Cụ thể

+ Ông Lê Quang Tr phải chịu: 53.566.000đ.

+ Bà Phạm Thị L phải chịu: 27.752.000đ.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 39.500.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/003214 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn chịu 5.565.000đ, đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, người có quyền lợi Ngh vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dán án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Tú